

Số : 546 /QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ
cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG, ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin**”.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 813/QĐ-ĐHCNTT, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH (U).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Vũ Đức Lung

QUY CHẾ

ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CHO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số 546 /QĐ-ĐHCNTT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Mục tiêu của chương trình giáo dục và phương thức đào tạo	4
Điều 3. Môn học.....	4
Điều 4. Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí	5
Điều 5. Học kỳ, năm học.....	6
Điều 6. Khoá học	7
Điều 7. Chương trình đào tạo.....	7
Điều 8. Chương trình đào tạo gắn với một ngành.....	8
Điều 9. Chương trình đào tạo gắn với hơn một ngành.....	9
CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	10
Điều 10. Chế độ học tập của sinh viên.....	10
Điều 11. Bảo lưu kết quả trúng tuyển	10
Điều 12. Tổ chức lớp	11
Điều 13. Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường	11
Điều 14. Đăng ký học tập.....	11
Điều 15. Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập	13
Điều 16. Xử lý học vụ	13
Điều 17. Thôi học, tạm dừng học tập.....	14
Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình đào tạo	15
Điều 19. Điều kiện để chuyển ngành/chương trình, chuyển trường	15

CHƯƠNG 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN.....	17
Điều 20. Điều kiện dự thi kết thúc học phần tại Trường	17
Điều 21. Đánh giá kết quả học tập của học phần, học kỳ, năm học, toàn khóa.....	17
Điều 22. Tổ chức các đợt thi tập trung.....	18
Điều 23. Không hoàn tất học phần.....	18
Điều 24. Điểm Miễn.....	18
Điều 25. Cách quản lý điểm.....	19
Điều 26. Cách tính điểm trung bình.....	20
Điều 27. Công nhận và chuyển đổi tín chỉ.....	20
Điều 28. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần.....	21
Điều 29. Chấm phúc khảo.....	21
Điều 30. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ viên chức vi phạm các quy định về thi, kiểm tra.....	21
Điều 31. Cấp bằng điểm.....	22
CHƯƠNG 4. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC-QUẢN LÝ ĐÀO TẠO..	23
Điều 32. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo	23
Điều 33. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu đào tạo	23
Điều 34. Công bố thông tin.....	23
CHƯƠNG 5. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP.....	24
Điều 35. Thực tập, làm khóa luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp.....	24
Điều 36. Chấm thực tập, khóa luận tốt nghiệp.....	25
Điều 37. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.....	25
Điều 38. Cấp bằng tốt nghiệp.....	26
CHƯƠNG 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	27

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
P. ĐTDH	Phòng Đào tạo Đại học
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
TCHP	Tín chỉ học phí
TCHPHL	Tín chỉ học phí học lại
TCHPCT	Tín chỉ học phí học cải thiện
TCHPHM	Tín chỉ học phí học mới
HPHK	Học phí học kỳ
CSĐT	Cơ sở đào tạo
ĐTBHK	Điểm trung bình học kỳ
ĐBTBTK	Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học
ĐTBCTL	Điểm trung bình chung tích lũy

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những điều chung nhất về đào tạo hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (gọi tắt là Trường) thuộc ĐHQG-HCM.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy chương trình đại trà ở trình độ đại học của Trường. Quy chế đào tạo các chương trình đặc biệt của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của chương trình dựa trên cơ sở quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu của chương trình giáo dục và phương thức đào tạo

1. Mục tiêu của chương trình giáo dục đại học của Trường nhằm tạo ra những con người có trình độ đại học, có chuẩn mực cao về kiến thức, kỹ năng đáp ứng khung trình độ quốc gia bậc đại học; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng.
2. Phương thức đào tạo của Trường theo học chế tín chỉ, giúp cho sinh viên có thể tích lũy kiến thức trong mọi thời điểm, đồng thời cũng yêu cầu ở sinh viên tính tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cá nhân nhằm tạo nên hiệu quả cao trong học tập và rèn luyện.

Điều 3. Môn học

1. Học phần (hay môn học) là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập, nội dung được bố trí giảng dạy trong một học kỳ. Mỗi học phần thực hành, thí nghiệm, kiến tập,... có khối lượng từ 1 – 3 tín chỉ, mỗi học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành có khối lượng từ 2 – 4 tín chỉ. Khoá luận tốt nghiệp là học phần đặc biệt có khối lượng tương đương 10 tín chỉ.

Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng, do Trường quy định.

2. Các loại học phần

- Học phần tích lũy: là học phần có kết quả tổng kết học phần được từ 5 điểm trở lên.
- Học phần bắt buộc: là học phần bắt buộc mọi sinh viên phải học và tích lũy theo ngành hoặc chuyên ngành đã chọn.
- Học phần tự chọn: là học phần sinh viên có thể đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.
- Học phần chung (Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục Thể chất, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ,...) là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQG-HCM.
- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần quy định cho một ngành học cụ thể.
- Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và tích lũy mới được học tiếp sang học phần có liên quan khác.
- Học phần học trước: là học phần sinh viên phải học trước khi học các học phần có liên quan khác. Học phần học trước có thể thi đạt hoặc không đạt.
- Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.

- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng khi một học phần thuộc chương trình giáo dục thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế có thời lượng tương đương nhưng nội dung có thể khác với học phần không còn tổ chức giảng dạy, do khoa phụ trách chuyên môn quy định.
- Học phần tương đương: là học phần có nội dung kiến thức và thời lượng tương đương với một học phần khác.
- Học phần mới: là học phần sinh viên đăng ký học lần đầu tiên.
- Học phần học lại: là học phần sinh viên đã học nhưng kết quả chưa đạt (điểm nhỏ hơn 5), sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó.
- Học phần học cải thiện: là học phần sinh viên đã học có kết quả đạt (từ 5 điểm trở lên), nhưng muốn đăng ký học lại. Sinh viên chỉ được đăng ký học cải thiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của quy chế này.

Điều 4. Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí

1. Tín chỉ học tập:

- Tín chỉ học tập: là đơn vị dùng để xác định thời gian, khối lượng học tập của sinh viên và khối lượng giảng dạy của giảng viên, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ học tập đã tích lũy được.
- Một tiết học được tính quy chuẩn bằng 50 phút.
- Một tín chỉ học tập được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận trên lớp, thí nghiệm, thực hành tại phòng máy hoặc 45 – 60 tiết thực tập, kiến tập, chuẩn bị khoá luận.
- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm: để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học) và giảng viên phải dành ít nhất 30 giờ để soạn giáo án, bài tập tình huống, soạn đề cương chi tiết, chấm bài tập về nhà, bài thi, giải đáp cho sinh viên hoặc phát triển học phần.
- Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.
- Sau đây tín chỉ học tập được gọi tắt là tín chỉ.

2. Tín chỉ học phí (TCHP): là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần. Số TCHP của mỗi học phần được xác định căn cứ vào đề cương và cách thức tổ chức học phần; cụ thể như sau:

- Phần giảng dạy lý thuyết tại lớp: 15 tiết tương đương với 1 TCHP.
- Phần giảng dạy thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 15 tiết tương đương với 1 TCHP
- Một số học phần đặc biệt được xác định số TCHP riêng như: học phần Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất, Thực tập doanh nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, Môn học đồ án bao gồm chuyên đề nghiên cứu khoa học, seminar,... sẽ được Hiệu trưởng ban hành.
- Có 3 loại TCHP:
 - o TCHP học lại (TCHPHL): là tín chỉ học phí của học phần học lại.
 - o TCHP học cải thiện (TCHPCT): là tín chỉ học phí của học phần học cải thiện.
 - o TCHP học mới (TCHPHM): là tín chỉ học phí của học phần mới học lần đầu.

- Đầu năm học, Trường sẽ công bố mức học phí cho mỗi loại TCHP.

3. Nguyên tắc xác định học phí

- **Đối với sinh viên còn trong thời gian học theo thiết kế chương trình đào tạo:**

- o Đối với học kỳ chính

$$\text{Học phí} = \text{HPHK} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- o Đối với học kỳ hè

$$\text{Học phí} = \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- **Đối với sinh viên đã quá thời gian học theo thiết kế chương trình đào tạo:**

- o Đối với học kỳ chính

$$\text{Học phí} = \min(\text{HPHKCC}, \text{HPGH} + \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM}) + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- o Đối với học kỳ hè

$$\text{Học phí} = \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- Trong các công thức trên:

- o HPHK: học phí học kỳ, là học phí được xác định cho sinh viên theo thiết kế chương trình đào tạo, không bao gồm học phí học lại và học cải thiện. HPHK không phụ thuộc vào số lượng tín chỉ sinh viên đăng ký học mới.
- o HPTCHM: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học mới.
- o TCHPHM: tổng số tín chỉ học phí của các môn học mới.
- o HPTCHL: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học lại.
- o TCHPHL: tổng số tín chỉ học phí của các môn học lại.
- o HPTCCT: mức học phí cho loại tín chỉ học phí học cải thiện.
- o TCHPCT: tổng số tín chỉ học phí của các môn học cải thiện.
- o HPHKCC : là HPHK của học kỳ cuối cùng theo thiết kế chương trình đào tạo.
- o HPGH : học phí gia hạn, được tính theo công thức sau đây:

$$\text{HPGH} = t \times \text{HPHKCC} \quad (t < 100\% \text{ và được xác định cụ thể tại các thông báo của Nhà trường})$$

(Ví dụ : nếu CTĐT có thời gian thiết kế là 4 năm thì học kỳ cuối cùng là học kỳ thứ 8, nếu CTĐT có thời gian thiết kế là 3,5 năm thì học kỳ cuối cùng là học kỳ thứ 7).

Các giá trị HPHK, HPTCHM, HPTCHL, HPTCCT được xác định cụ thể tại các thông báo của Nhà trường theo từng năm học.

- Gia hạn thời gian nộp học phí: Nếu sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể hoàn thành học phí đúng hạn thì phải làm đơn xin gia hạn đóng học phí và nộp về Phòng Kế hoạch – Tài chính trước thời hạn đóng học phí theo quy định.

Điều 5. Học kỳ, năm học

1. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có quy định khối lượng kiến thức tối thiểu buộc sinh viên phải tích lũy. Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và 2 đến 3 tuần dành cho đánh giá hoạt động đào tạo (thi cuối kỳ, thi giữa kỳ, kiểm tra,...). Một học kỳ hè có tối thiểu 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Năm học có 2 học kỳ chính. Tùy theo điều kiện, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên học giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

Kế hoạch học tập của mỗi học kỳ và năm học bao gồm thời gian biểu tiến hành các hoạt động giảng dạy, học tập, lịch đánh giá hoạt động đào tạo, kể cả các ngày nghỉ lễ Tết, nghỉ hè. Kế hoạch học tập được công bố rộng rãi trên website Trường và bản tin, sổ tay sinh viên.

Điều 6. Khoá học

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình giáo dục của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.
 - a) Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 3 đến 5 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1,5 năm đến 2,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo;
 - b) Thời gian đào tạo liên thông, văn bằng 2 được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình;
2. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau: Sinh viên được phép rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính và kéo dài tối đa 4 học kỳ chính. Quá thời hạn tối đa của khóa học, căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, Hiệu trưởng có thể quy định mở rộng thời gian tối đa của một khóa đào tạo nhưng không vượt quá 02 lần thời gian thiết kế cho khóa học.
3. Các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên (nhóm ưu tiên 1 và 2 theo quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng) được kéo dài thêm 2 học kỳ chính so với quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 7. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo của mỗi ngành đào tạo do Trường xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, được bổ sung cập nhật nội dung chương trình giáo dục tiên tiến quốc tế theo định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội đất nước và hội nhập quốc tế. Chương trình thể hiện rõ trình độ - đối tượng đào tạo, mục tiêu giáo dục, cơ cấu nội dung các học phần, thời gian - phương pháp đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, có khả năng liên thông giữa các bậc và các ngành đào tạo khác, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của các chương trình đào tạo tối thiểu là 120 và tối đa là 140 (không tính Giáo dục quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất). Chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo và Trường phòng Đào tạo Đại học (P. ĐTDH).
2. Chương trình đào tạo bao gồm hai khối kiến thức:
 - a) Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở nhóm ngành bao gồm các học phần thuộc các lĩnh vực: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa học tự nhiên và Toán, Ngoại ngữ, Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất và các kiến thức

cơ bản chung cho nhóm ngành Công nghệ Thông tin, nhằm trang bị cho sinh viên nền học vấn rộng để tiếp thu tốt kiến thức chuyên môn, tạo tiềm lực cho người được đào tạo dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc, tự cập nhật kiến thức trước tình hình phát triển nhanh của khoa học và công nghệ. Khối kiến thức này được tổ chức đào tạo chủ yếu trong 4 học kỳ đầu.

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở phục vụ chuyên ngành và các học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo.

3. Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần như sau:

a) Nhóm học phần bắt buộc gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành đào tạo, bắt buộc sinh viên phải đăng ký học và tích lũy.

b) Nhóm học phần tự chọn gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết và sinh viên được tự chọn theo hướng chuyên môn, tạo sự mềm dẻo trong chương trình đào tạo. Các học phần tự chọn có thể được xếp theo từng nhóm, sinh viên phải tích lũy được một số học phần nhất định trong từng nhóm nhằm tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho nhóm học phần tự chọn tương ứng. Sinh viên chọn lựa những học phần này theo hướng dẫn của cố vấn học tập.

4. Các học phần trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự mà Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân thủ để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

Điều 8. Chương trình đào tạo gắn với một ngành

Chương trình đào tạo gắn với một ngành được phân loại như sau:

1. Chương trình đại trà: được xây dựng theo quy định hiện hành; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của bậc trình độ tương ứng; có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.
2. Chương trình tài năng: được xây dựng dựa trên chương trình đại trà; đáp ứng mục tiêu của chương trình là tuyển chọn và tạo điều kiện phát triển cho các sinh viên xuất sắc. Tỷ lệ số tín chỉ các môn học tài năng, tối thiểu phải chiếm 25% tổng số tín chỉ của toàn chương trình đào tạo (tập trung ở các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành).
3. Chương trình tiên tiến: được thiết kế, xây dựng dựa trên cơ sở của chương trình đang được áp dụng ở trường đại học tiên tiến trên thế giới (gọi tắt là chương trình gốc) đáp ứng mục tiêu của chương trình tiên tiến; bao gồm nội dung, phương pháp, quy trình đảm bảo chất lượng; được giảng dạy bằng ngôn ngữ của chương trình gốc.
4. Chương trình chất lượng cao: được xây dựng dựa trên chương trình đại trà; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra cao hơn, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình theo quy định hiện hành.

5. Chương trình liên thông và văn bằng 2: được xây dựng dựa trên chương trình đại trà; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của bậc trình độ tương ứng. Chương trình đào tạo được xác định theo nguyên tắc: công nhận kết quả học tập đối với những môn học đã tích lũy trước đó để xét miễn các nội dung tương đương trong chương trình đào tạo.
6. Chương trình liên kết giữa Trường với các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước: được xây dựng trên cơ sở quy định về chương trình đào tạo của ĐHQG-HCM hoặc nội dung thoả thuận hợp tác ký kết giữa các bên.

Điều 9. Chương trình đào tạo gắn với hơn một ngành

Chương trình đào tạo gắn với hơn một ngành đào tạo bao gồm:

1. Chương trình song ngành gồm hai phần: chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định tại Điều 7, ngành thứ hai có khối lượng kiến thức từ 30 tín chỉ trở lên (những nội dung giống nhau, tương đương giữa hai chương trình đào tạo chỉ được tính khối lượng kiến thức một lần). Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa, bộ môn trong Trường hoặc giữa các CSĐT trong ĐHQG-HCM.
2. Chương trình ngành chính - ngành phụ: gồm nội dung chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ nhất bổ sung thêm các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ hai hoặc các môn học bổ trợ kiến thức khác với khối lượng kiến thức từ 15 đến 29 tín chỉ, chủ yếu thuộc khối kiến thức ngành. Các môn học bổ sung được thể hiện trong bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp. Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa, bộ môn trong Trường hoặc giữa các CSĐT trong ĐHQG-HCM.
3. Hiệu trưởng quyết định về nội dung chương trình và tổ chức đào tạo chương trình song ngành, chương trình ngành chính - ngành phụ.

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 10. Chế độ học tập của sinh viên

1. Sinh viên chính quy

- Sinh viên chính quy là các thí sinh trúng tuyển vào hệ chính quy và đã hoàn tất các thủ tục nhập học theo quy định của Trường.
- Trường tổ chức đào tạo theo phương thức chính quy tập trung toàn thời gian cho sinh viên hệ chính quy.
- Mỗi sinh viên hệ chính quy đều có một mã số riêng theo quy định của Trường.
- Sinh viên phải chấp hành quy chế hiện hành về công tác sinh viên của Trường và được hưởng các chính sách dành cho sinh viên hệ chính quy.

2. Sinh viên dự thính

- Các cá nhân có nhu cầu học bổ túc kiến thức một số môn học, có đủ điều kiện về nhân thân và trình độ có thể được Trường xem xét cho trở thành sinh viên dự thính;
- Sinh viên dự thính được cấp giấy chứng nhận việc theo học và kết quả học tập của các môn học đã đăng ký nếu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo các quy định của Trường. Sinh viên dự thính không được cấp bằng tốt nghiệp đại học;
- Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định thu nhận cho từng trường hợp cụ thể.
- Sinh viên dự thính không được hưởng chính sách dành cho sinh viên chính quy, phải đóng học phí theo mức riêng

3. Sinh viên chính quy có khả năng bị xử lý học vụ hình thức buộc thôi học có nguyện vọng được chuyển qua hệ từ xa sẽ được xem xét chuyển đổi. Các tín chỉ đã tích lũy sẽ được xem xét công nhận tương đương với các tín chỉ tương ứng có thể của chương trình đào tạo hệ Từ xa.

4. Sinh viên và năm học: Sinh viên năm thứ k (tính từ thời điểm sinh viên bắt đầu học) của một ngành và khóa học được xác định như sau: đạt số tín chỉ tích lũy n (theo đúng chương trình đào tạo tương ứng tại thời điểm đang xét) thỏa điều kiện: $(k-1) \times 30 \leq n < k \times 30$.

Điều 11. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

Sau khi được xét trúng tuyển vào Trường, do một số hoàn cảnh đặc biệt như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn xảy ra đột xuất, thí sinh trúng tuyển có thể xin bảo lưu kết quả. Thí sinh trúng tuyển phải nộp đơn xin bảo lưu chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gọi nhập học cho P. ĐTDH của Trường và chỉ được bảo lưu khi có quyết định chấp thuận của Hiệu trưởng.

Thời gian bảo lưu kết quả trúng tuyển không quá 01 năm. Muốn nhập học lại, thí sinh phải làm đơn xin nhập học kèm theo quyết định bảo lưu nộp P. ĐTDH của Trường trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 1 tháng để được giải quyết.

Điều 12. Tổ chức lớp

1. Lớp học phần: Những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định. Lớp học phần sẽ được mở nếu số lượng sinh viên đăng ký:
 - Tối thiểu là 50 sinh viên đối với các môn học đại cương và các môn học cơ sở nhóm ngành.
 - Các môn học chuyên ngành bắt buộc và chuyên đề tốt nghiệp tối thiểu là 20 sinh viên. Các môn học còn lại tối thiểu là 30 sinh viên. Trong trường hợp đặc biệt, theo đề nghị của sinh viên, khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo thì P.ĐTĐH có thể mở lớp và học phí được tính theo quy định đơn giá dành cho các lớp có số lượng sinh viên dưới chuẩn.
 - Các học phần như Thực tập doanh nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, môn học đồ án được mở không hạn chế số lượng.
 - Các lớp học ngoại ngữ nằm trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy sẽ được mở với số lượng tối thiểu là 20 sinh viên.
2. Lớp sinh viên: Lớp sinh viên được tổ chức theo khóa, khoa, chương trình, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo. Lớp sinh viên được giữ ổn định trong suốt các năm học để triển khai các hoạt động có liên quan đến công tác học tập, rèn luyện của sinh viên.

Điều 13. Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường

1. Đầu khoá học, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:
 - Chương trình đào tạo toàn khóa cho từng ngành học.
 - Quy chế học tập và các quy định của Trường.
 - Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên.
2. Đầu mỗi năm học, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:
 - Kế hoạch giảng dạy, học tập của năm học.
 - Các cập nhật hoặc thay đổi trong chương trình đào tạo, chương trình môn học, học phí (nếu có).
3. Đầu mỗi học kỳ, Trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:
 - Thời khóa biểu giảng dạy, học tập của học kỳ.
 - Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.
 - Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khóa biểu cho các lớp học.

Điều 14. Đăng ký học tập

Sinh viên được đăng ký học và thi các môn học trong chương trình đào tạo do bất kỳ một CSĐT nào thuộc ĐHQG-HCM hoặc hệ thống các trường thành viên của ASEAN University Network tổ chức giảng dạy. Việc chuyển đổi và công nhận tín chỉ được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này.

Nếu đăng ký học tại Trường thì đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tìm hiểu, nghiên cứu để nắm được chương trình giáo dục, các học phần được mở trong học kỳ và đăng ký các học phần qua hệ thống đăng ký hoặc bằng phiếu đăng ký theo quy định của Trường. Riêng sinh viên khóa tuyển mới, học kỳ đầu tiên sẽ học theo thời khóa biểu được xếp sẵn theo kế hoạch giảng dạy.

1. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa

Số tín chỉ tối thiểu, tối đa được tính bao gồm số các tín chỉ đăng ký tại Trường hoặc CSĐT khác.

a) Trong học kỳ chính:

- Số tín chỉ đăng ký học n trong mỗi học kỳ chính (bao gồm học lại, cải thiện và học mới) thỏa điều kiện $14 \leq n \leq 24$. Sinh viên có ĐTBCTL $\geq 8,0$ đến thời điểm đăng ký, được phép đăng ký tối đa 30 tín chỉ.
- Đối với những sinh viên còn phải học ít hơn 14 tín chỉ theo chương trình đào tạo của ngành, khóa học tương ứng thì không áp dụng quy định số tín chỉ tối thiểu.

b) Trong học kỳ hè:

- Sinh viên chỉ được đăng ký học lại, cải thiện điểm và học phần Thực tập doanh nghiệp, các môn ngoại ngữ với tổng số tín chỉ đăng ký không được vượt quá 12 tín chỉ.
- Việc đăng ký các học phần mới (ngoại trừ Thực tập doanh nghiệp và các môn ngoại ngữ) trong học kỳ hè (học vượt) chỉ dành cho các sinh viên có ĐTBCTL $\geq 7,0$ đến thời điểm đăng ký.
- Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

2. Học lại: Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới 5,0 ở các học kỳ trước. Đối với các học phần tự chọn, nếu điểm dưới 5,0 sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn quy định cho mỗi ngành đào tạo.

Nếu sinh viên đăng ký học phần tự chọn khác để thay thế thì phải làm đơn xin hủy học phần tự chọn thì không đạt vào lúc nộp hồ sơ xét tốt nghiệp (sinh viên không được hủy kết quả học tập trong lúc đang học).

3. Học cải thiện điểm

Đối với học phần có kết quả đạt, sinh viên muốn cải thiện điểm phải đăng ký học lại học phần đó theo quy định sau:

- Sinh viên chỉ được cải thiện trong vòng hai học kỳ chính và một học kỳ hè tiếp theo, tính từ học kỳ sinh viên học lần đầu tiên.
- Sinh viên chỉ được cải thiện đối với những học phần có điểm từ 5,0 đến 5,4.
- Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào ĐTBTLTK, ĐTBCTL. Điểm của tất cả các lần học được lưu đầy đủ trong kết quả học tập của sinh viên.
- Tổng số tín chỉ đăng ký học cải thiện ở học kỳ nào thì được tính vào tổng số tín chỉ đăng ký học ở học kỳ đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Quy chế này.

- Tổng số tín chỉ học cải thiện trong quá trình học không được vượt quá 10% tổng số tín chỉ toàn khóa được quy định trong chương trình đào tạo của ngành, khóa học tương ứng. Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên có thể làm đơn đề Hiệu trưởng xem xét giải quyết.
4. Việc đăng ký học phần cải thiện được thực hiện theo quy trình đăng ký học phần của Trường.
 5. Sinh viên thuộc diện được xét học bổng khuyến khích khi đã đăng ký ít nhất 14 tín chỉ cho học kỳ tương ứng.
 6. Đăng ký học các môn ngoại ngữ:
 - Các lớp học ngoại ngữ nằm trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy sẽ được mở với thời khóa biểu riêng, linh động theo nhu cầu của sinh viên. Sinh viên sẽ được tự do đăng ký học các lớp ngoại ngữ theo điều kiện môn tiên quyết và **không trùng giờ học với các môn học chính khóa** mà sinh viên đang học trên hệ thống của Trường.
 - Trong học kỳ hè sinh viên có thể đăng ký học mới và học lại/học cải thiện các môn ngoại ngữ.
 - Học phí các môn ngoại ngữ trong chương trình đào tạo được tính theo quy định: học lần đầu được tính trọn gói trong học phí học kỳ, học lần thứ hai trở đi được coi là học lại/cải thiện.
 - Thời điểm thi kết thúc môn học thuộc học kỳ nào thì Trường sẽ tính điểm cho sinh viên vào học kỳ đó. Riêng các lớp có thời điểm thi kết thúc môn học thuộc học kỳ hè sẽ được tính vào học kỳ 2 cùng năm học.

Điều 15. Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập

1. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi kết quả đăng ký học phần tại P. ĐTĐH hoặc văn phòng khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo. Kết quả đăng ký học phần của mỗi sinh viên được thông báo trên website của Trường. Kết quả đăng ký học phần thể hiện: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ của mỗi học phần, lịch học của các học phần.
2. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu của môn học như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.
3. Mỗi lớp sinh viên có một Cố vấn học tập. Cố vấn học tập do Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo đề nghị và Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm. Nhiệm vụ cụ thể của Cố vấn học tập có quy định riêng.

Điều 16. Xử lý học vụ

Hằng năm, Trường sẽ tiến hành xử lý học vụ theo 2 đợt: sau học kỳ 1 và sau học kỳ hè. Kết quả học tập của học kỳ hè sẽ được tính chung vào kết quả học tập học kỳ 2 của năm học tương ứng để xem xét xử lý học vụ.

1. Cảnh báo học vụ

Sinh viên bị cảnh báo học vụ nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng quy định.
- Có ĐTBHK đang xét dưới 3,0 hoặc điểm trung bình của liên tiếp 2 học kỳ gần nhất đều dưới 4,0.

Thời hạn cảnh báo học vụ kéo dài trong một học kỳ chính tiếp theo. Sinh viên sẽ được tự động xóa hình thức xử lý khi kết thúc thời hạn.

Sinh viên bị cảnh báo học vụ vì kết quả học tập chỉ được đăng ký học tối đa 14 tín chỉ trong học kỳ đó.

2. Đình chỉ học tập

- Sinh viên bị đình chỉ học tập 1 năm học nếu vi phạm lần đầu trong việc đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ.
- Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh báo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm; sinh viên vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

3. Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- Tự ý bỏ học (không đăng ký học phần) hoặc bỏ thi (không phải thuộc diện cấm thi) từ một học kỳ chính trở lên (ĐTBHK bằng 0).
- Đã hết thời gian tối đa hoàn thành khóa học.
- Bị cảnh báo học vụ lần thứ hai liên tiếp và vẫn tái phạm Khoản 1 Điều 16.
- Bị đình chỉ học tập lần thứ hai.
- Vi phạm kỷ luật có tính chất và mức độ nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội; hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

Sinh viên có tên trong quyết định buộc thôi học bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính thức của Trường. Trường có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Điều 17. Thôi học, tạm dừng học tập

1. Trường hợp vì hoàn cảnh cá nhân, sinh viên có thể gửi đơn xin thôi học. Trường sẽ xem xét ra quyết định cho phép thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.
2. Sinh viên được quyền xin tạm dừng học tập và được bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:
 - Được điều động vào lực lượng vũ trang.
 - Bị đau ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế đủ thẩm quyền.
 - Trường hợp vì lý do cá nhân, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường và không rơi vào các trường hợp bị đình chỉ học tập, có xác nhận của gia đình và giấy tờ liên quan hợp lệ.
3. Thời gian tạm dừng học tập từ một đến tối đa hai học kỳ chính liên tiếp, được tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học quy định tại Điều 6 của quy chế này, ngoại trừ trường hợp được điều động vào lực lượng vũ trang.

4. Sinh viên tạm dừng học tập, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của Trường.

Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình đào tạo

1. Học cùng lúc hai chương trình đào tạo được áp dụng đối với chương trình song ngành, dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
2. Sinh viên trình độ đại học đang học tại các CSĐT của ĐHQG-HCM được đăng ký học thêm một chương trình đào tạo thứ hai nếu đồng thời thỏa mãn các điều kiện tối thiểu sau:
 - a) Ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ hai phải khác ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ nhất;
 - b) Không có sự khác biệt trong hình thức và trình độ đào tạo giữa hai chương trình đào tạo;
 - c) Đã hoàn thành học kỳ 1 năm học đầu tiên của chương trình đào tạo thứ nhất và sinh viên thuộc diện xếp loại học lực trung bình khá trở lên.
3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ nhất.

Điều 19. Điều kiện để chuyển ngành/chương trình, chuyển trường

1. Chuyển ngành/chương trình

Sinh viên chương trình đại trà được xem xét chuyển ngành/chương trình nếu có đủ các điều kiện sau:

- Là sinh viên trúng tuyển theo diện xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia hoặc kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức, có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành/chương trình xin chuyển đến (đối với các khóa trước năm 2015 là kết quả kỳ thi tuyển sinh vào Đại học, Cao đẳng); hoặc là sinh viên trúng tuyển theo diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh báo trở lên.
- Đạt số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định tại Khoản 4 Điều 10 và có ĐTBCTL từ 6,5 trở lên.
- Được sự chấp thuận của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo (nơi chuyển đến) và Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo (nơi chuyển đi).

Ngoài các quy định này, sinh viên chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và chương trình tài năng thực hiện theo các quy định riêng (nếu có).

2. Chuyển trường

Sinh viên được chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển hộ khẩu thường trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập;
- Trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận có cùng ngành học hoặc cùng nhóm ngành đào tạo;
- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và Hiệu trưởng trường tiếp nhận.
- Không phải là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối theo quy định tại Khoản 4 Điều 10.

Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Sinh viên đã tham dự kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia hoặc kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức, đồng thời dự tuyển vào trường nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm xét trúng tuyển của trường, ngành xin chuyển đến (đối với các khóa trước năm 2015 là kết quả kỳ thi tuyển sinh vào Đại học, Cao đẳng).
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.
- Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh báo trở lên (trường hợp bị kỷ luật vì kết quả học tập có thể được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho chuyển).

Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ GD&ĐT.

CHƯƠNG 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 20. Điều kiện dự thi kết thúc học phần tại Trường

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

a) Học phần lý thuyết:

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho học phần đó, trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép học thêm ngành chuyên môn khác.
- Sinh viên phải dự đủ các buổi thảo luận ở lớp.

b) Học phần thực hành:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
- Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực hành.

Điều 21. Đánh giá kết quả học tập của học phần, học kỳ, năm học, toàn khóa

1. Thang điểm đánh giá và xếp loại

Các loại điểm của học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Các thang điểm khác chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết.

Bảng xếp loại và thang điểm tương ứng

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Điểm 4	Điểm chữ	Xếp loại
Đạt	9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+	Xuất sắc
	8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A	Giỏi
	7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+	Khá
	6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B	Trung bình khá
	5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C	Trung bình
Không đạt	4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+	Yếu
	3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D	Kém
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F	

2. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần. Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- Điểm kiểm tra giữa học kỳ.
- Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm thành phần được làm tròn đến 0,5 và có hệ số riêng được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được cán bộ giảng dạy thông báo rộng rãi đến sinh viên trong tuần đầu tiên của học kỳ. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của điểm thi kết thúc học phần và các điểm thành phần, tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 0,1.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của cán bộ giảng dạy về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng. Trong trường hợp sinh viên có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, việc gia đình đột xuất,...) không thể tham dự thi giữa kỳ thì làm đơn trình bày cùng các minh chứng, P.ĐTĐH xem xét và nếu hợp lệ sinh viên sẽ được phép dùng điểm cuối kỳ thay cho điểm giữa kỳ.

Điều 22. Tổ chức các đợt thi tập trung

Mỗi học kỳ chính Trường tổ chức một kỳ kiểm tra giữa kỳ và một kỳ thi kết thúc học kỳ. Hai đợt thi được tổ chức tập trung theo kế hoạch giảng dạy và học tập của Trường. Khoa/bộ môn hoặc giảng viên không được tổ chức thi ngoài các đợt đã thông báo.

Hiệu trưởng quy định thời gian ôn thi và thi.

Điều 23. Không hoàn tất học phần

Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, việc gia đình đột xuất,...) sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm chưa hoàn tất học phần (hoãn thi), ký hiệu bằng chữ I.

1. Trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho cán bộ giảng dạy học phần đó và P.ĐTĐH. Trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng, sinh viên phải nộp trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi để được xem xét.
2. Cán bộ giảng dạy phụ trách học phần, khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo và P.ĐTĐH sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được nhận điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên tự ý bỏ thi sẽ nhận điểm không (0) cho học phần đó.
3. Nếu được nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải làm đơn đăng ký thi lại học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai học kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).
4. Số tín chỉ nhận điểm I trong học kỳ của sinh viên sẽ không tính để xét học bổng khuyến khích học tập trong học kỳ đó.

Điều 24. Điểm Miễn

1. Điểm BL

- Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở một CSĐT bậc Đại học khác trong thời gian không quá 5 năm nếu muốn xin miễn học phần đó, cần phải làm đơn kèm theo

xác nhận (số tiết học, số tín chỉ và điểm) gửi về P. ĐTDH của Trường trong vòng 1 tháng sau khi bắt đầu học kỳ. Trường có thể yêu cầu sinh viên cung cấp đề cương chi tiết của học phần có xác nhận của nơi sinh viên đã học. Nếu được chấp thuận thì học phần đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ bảo lưu (BL).

2. Điểm M

- Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một học phần ở một CSĐT bậc Đại học khác mà điểm không xác định cụ thể, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận về P. ĐTDH để xem xét. P. ĐTDH sẽ ghi điểm học phần bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.
- Trong trường hợp sinh viên tham gia các kỳ thi quốc gia, quốc tế do Trường cử đi:
 - o Đối với các học phần phù hợp chuyên môn của kỳ thi: Ngay sau kỳ thi, đơn vị lựa chọn sinh viên tham gia kỳ thi gửi đề nghị cho khoa/bộ môn chịu trách nhiệm quản lý các môn học xét duyệt các học phần mà sinh viên được nhận điểm M hoặc điểm cụ thể.
 - o Đối với các học phần không phù hợp chuyên môn của kỳ thi:
 - Nếu trùng thời gian thi cuối kỳ: sinh viên được nhận điểm I.
 - Nếu trùng thời gian kiểm tra giữa kỳ: sinh viên được dùng điểm cuối kỳ thay thế điểm giữa kỳ.

3. Nếu không muốn nhận điểm M hoặc muốn nhận điểm cao hơn điểm được cho theo Khoản 2 Điều 24 này, sinh viên phải đăng ký học và dự thi học phần đó.

Điều 25. Cách quản lý điểm

1. Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) là điểm trung bình có trọng số của các môn học mà sinh viên đăng ký học và được Trường xếp lớp trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ của mỗi môn học tương ứng. ĐTBHK được dùng để xét học bổng, khen thưởng, xử lý học vụ sau mỗi học kỳ.
2. Điểm trung bình tích lũy toàn khóa (ĐTBTLTK) là điểm tính theo kết quả của các học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại Trường. ĐTBTLTK được tính khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, được dùng để phân loại kết quả học tập và xếp hạng tốt nghiệp.
3. Điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL) là điểm trung bình của các môn học mà sinh viên đã đăng ký học từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm được tính với trọng số là số tín chỉ của mỗi môn học (lấy điểm cao nhất trong các lần học của mỗi học phần). ĐTBCTL được dùng để xét số tín chỉ được phép đăng ký trong học kỳ, học vượt, xét chuyển ngành/chương trình, xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp (dành cho hệ chính quy đại trà).
4. Cách tính ĐTBHK, ĐTBTLTK, ĐTBCTL được quy định tại Điều 26 của Quy chế này.
5. Kết quả học tập của học kỳ hè (nếu có) được tính chung vào học kỳ liền kề trước đó.
6. Học phần có kết quả từ 5,0 điểm trở lên được bảo lưu khi sinh viên học thêm một ngành học mới trong Trường. Điểm bảo lưu được tính vào ĐTBTLTK, ĐTBCTL của ngành học đó.

7. Không tính kết quả thi các học phần Giáo dục quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất vào ĐTBHK, ĐTBTLTK hoặc ĐTBCTL. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT.
8. Điểm I, điểm M, điểm BL không được tính trong ĐTBHK, ĐTBTLTK và ĐTBCTL.

Điều 26. Cách tính điểm trung bình

1. ĐTBHK, ĐTBTLTK và ĐTBCTL được tính theo công thức:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A là ĐTBHK, ĐTBTLTK hoặc ĐTBCTL
- + a_i là điểm của môn học thứ i
- + n_i là số tín chỉ học tập của môn học thứ i
- + n là tổng số môn học.

2. ĐTBHK, ĐTBTLTK và ĐTBCTL được làm tròn đến 0,01.

Điều 27. Công nhận và chuyển đổi tín chỉ

1. Trường có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận kết quả môn học của sinh viên khi hoàn tất quá trình học tập theo quy định.
2. Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ đối với đào tạo văn bằng 2 và liên thông được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Sinh viên được công nhận và chuyển đổi tín chỉ đối với những môn học đã tích lũy có từ 80% trở lên nội dung tương đương với nội dung môn học trong chương trình đào tạo;
 - b) Căn cứ chương trình môn học và kết quả trên bảng điểm học tập của sinh viên, Hiệu trưởng quyết định việc công nhận kết quả học tập, khối lượng kiến thức và các môn học cần phải bổ sung.
3. Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ của Trường đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - a) Kết quả đối sánh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và nội dung môn học là cơ sở cốt lõi cho việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ;
 - b) Thông qua ý kiến của đơn vị phụ trách chuyên môn các học phần có liên quan về việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ.
4. Công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo các quy định và ký kết khác giữa ĐHQG-HCM và các đơn vị đối tác.
5. Tổng số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo đối với đào tạo chính quy tập trung và không vượt quá 50% đối với đào tạo không chính quy, văn bằng 2 và liên thông.

Điều 28. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần

1. Việc kiểm tra giữa học kỳ do cán bộ giảng dạy học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố từ đầu học kỳ, được Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo duyệt và phải được tổ chức theo kế hoạch chung toàn trường.
2. Cuối học kỳ bắt buộc phải có điểm thi kết thúc học phần (điểm cuối kỳ), chiếm tỷ lệ tối thiểu là 50%, trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.
 - Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.
 - Các lớp học cùng một học phần trong một học kỳ bắt buộc phải thi cùng một đề thi, cùng thời gian và cùng một hình thức thi.
 - Đối với hình thức thi vấn đáp, đề thi gồm bộ các câu hỏi liên quan đến nội dung môn học, cán bộ chấm thi sử dụng các câu hỏi trong đề thi để vấn đáp sinh viên. Bộ câu hỏi phải đảm bảo đủ tính khách quan, công bằng và bao phủ toàn bộ kiến thức trong chương trình môn học.
 - Hiệu trưởng hoặc người được Hiệu trưởng ủy quyền duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần theo đề nghị của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo.
3. Quy trình chấm thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định tùy theo hình thức thi, sao cho bảo đảm tính công bằng và nghiêm túc.
 - Đối với hình thức thi vấn đáp, phải có ít nhất 2 giảng viên nằm trong danh sách quy hoạch giảng dạy cho môn học đó cùng chấm trong một buổi thi. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.
 - Đối với các học phần được triển khai giảng dạy chung (các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở nhóm ngành) thì cán bộ chấm thi lý thuyết cho một lớp học phải khác với giảng viên giảng dạy lý thuyết của lớp học đó.
4. Các bảng điểm thi (theo mẫu của Trường) phải có chữ ký của cán bộ chấm thi, có xác nhận của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn và được gửi về P. ĐTDH, chậm nhất là 20 ngày sau khi thi.
5. Kết quả thi được thông báo công khai, rõ ràng sau mỗi kỳ thi.

Điều 29. Chấm phúc khảo

1. Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc khảo kết quả thi cuối học kỳ bằng cách nộp đơn gửi đến P. ĐTDH và phải đóng lệ phí do Trường quy định.
2. Quy trình chấm phúc khảo có quy định riêng.

Điều 30. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ viên chức vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong các đợt thi, kiểm tra, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.

2. Trong các đợt thi, kiểm tra, bảo vệ khóa luận, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm (trường hợp sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đã có quy định riêng).

Điều 31. Cấp bằng điểm

1. Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị Trường cấp bằng điểm. Để thực hiện công việc này sinh viên phải đăng ký và nộp lệ phí theo quy định của Trường.
2. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp một bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp.

CHƯƠNG 4. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC - QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 32. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo qua mạng là việc sử dụng các trang thiết bị điện tử, phần mềm, học liệu điện tử và mạng viễn thông (chủ yếu là mạng Internet) cho các hoạt động giảng dạy và học tập nhằm đổi mới phương pháp dạy - học, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo.
2. Môn học đào tạo qua mạng có thể được tổ chức đào tạo theo phương thức qua mạng hoàn toàn hoặc kết hợp đào tạo qua mạng (chỉ triển khai một phần nội dung môn học qua mạng). Phương thức tổ chức đào tạo qua mạng phải được ghi rõ trong chương trình môn học. Đơn vị quản lý chuyên môn đối với môn học đào tạo qua mạng có trách nhiệm đảm bảo chất lượng giảng dạy và đánh giá môn học.
3. Tổng số tín chỉ các môn học đào tạo qua mạng không được chiếm quá 20% tổng số tín chỉ của toàn bộ chương trình đào tạo theo hình thức chính quy.

Điều 33. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu đào tạo

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý là việc sử dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bao gồm: quản lý công văn, giấy tờ và các thông báo, quản lý giảng viên, phân công giảng dạy, lập thời khóa biểu cho toàn bộ các lớp môn học, quản lý phòng học, quản lý cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, quản lý hồ sơ sinh viên, giám sát đánh giá có tính định lượng sự vận hành của Trường.
2. Việc quản lý hồ sơ sinh viên được thực hiện theo quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên.

Điều 34. Công bố thông tin

1. Trường xây dựng trang thông tin điện tử để công bố công khai chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo tương ứng với quy mô theo chỉ tiêu hàng năm, quy định học vụ và cho phép người sử dụng tra cứu thông tin cơ bản của sinh viên tốt nghiệp theo số hiệu tương ứng trên văn bằng chứng chỉ do Trường cấp.
2. Hộp thư điện tử (email) được Trường cung cấp cho từng sinh viên vào thời điểm nhập học là kênh giao tiếp chính thức giữa Trường với sinh viên.

CHƯƠNG 5. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 35. Thực tập, làm khóa luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

1. Thực tập doanh nghiệp

- Là học phần bắt buộc và tiên quyết để xét sinh viên đủ điều kiện bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các ngành đào tạo kỹ sư.
- Sinh viên thực tập doanh nghiệp trong tổng thời gian tối thiểu là 8 tuần, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên do khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo phân công.
- Khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo tổ chức báo cáo thực tập doanh nghiệp cuối mỗi học kỳ có mở môn thực tập.
- Sinh viên đăng ký thực tập doanh nghiệp trong học kỳ nào sẽ phải báo cáo kết quả thực tập vào cuối học kỳ đó theo kế hoạch của khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo. Nếu sinh viên không báo cáo vào đúng đợt báo cáo của học kỳ đã đăng ký thì xem như không đạt học phần này và nhận điểm không (0). Sinh viên phải đăng ký học lại vào các học kỳ tiếp theo.

2. Để hoàn tất chương trình giáo dục bậc đại học, sinh viên phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các chuyên đề tốt nghiệp.

3. Làm khóa luận tốt nghiệp

- Vào đầu mỗi học kỳ chính, sinh viên đủ điều kiện quy định có thể đăng ký làm khóa luận theo quy trình đăng ký học phần.
- Sinh viên các chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và chương trình tài năng bắt buộc phải làm khóa luận tốt nghiệp, theo đúng chương trình đào tạo.
- Sinh viên chương trình đại trà được làm khóa luận tốt nghiệp khi thỏa các yêu cầu sau:
 - o Không được phép nợ quá 8 tín chỉ theo chương trình đào tạo.
 - o Có ĐTBCTL tính đến thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp tối thiểu 6,5 hoặc cao hơn theo yêu cầu cụ thể của khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo.
 - o Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.
- Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận sẽ được khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo giao đề tài.
- Sinh viên thực hiện khóa luận trong thời gian là một học kỳ chính. Trường hợp đặc biệt, đề tài khóa luận cần phải làm những thí nghiệm kéo dài thì cán bộ hướng dẫn có thể giao đề tài sớm hơn. Căn cứ đề nghị của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo và Trưởng P.ĐTĐH, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên chỉ được bảo vệ khóa luận khi đã hoàn thành khóa luận và được sự đồng ý bằng văn bản của cán bộ hướng dẫn.
- Hằng năm có 2 đợt bảo vệ khóa luận tốt nghiệp được xác định cụ thể trên kế hoạch đào tạo của Trường. Nếu hết thời gian thực hiện khóa luận theo quy định mà sinh viên không ra bảo vệ hoặc không được cán bộ hướng dẫn đồng ý cho ra bảo vệ vào đúng đợt chính thức xem như không đạt học phần này, điểm được ghi là không (0) và không được tiếp tục thực hiện khóa luận.

4. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc không được tiếp tục thực hiện khóa luận hoặc có điểm khóa luận sau khi ra hội đồng bảo vệ dưới 5 sẽ phải học các môn chuyên đề tốt nghiệp sao cho tổng số tín chỉ tối thiểu là 10.

Điều 36. Chấm thực tập, khóa luận tốt nghiệp

1. Chấm kết quả thực tập, khóa luận được thực hiện bởi hội đồng do khoa/bộ môn quản lý ngành đào tạo đề nghị và Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.
 - Số thành viên của hội đồng chấm thực tập doanh nghiệp là 3 người, bao gồm giảng viên hướng dẫn.
 - Số thành viên của hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp là 3 người, bao gồm: chủ tịch, ủy viên thư ký và ủy viên.
 - o Cán bộ hướng dẫn không được là thành viên hội đồng.
 - o Chủ tịch và ủy viên thư ký hội đồng không được kiêm nhiệm vai trò phản biện.
 - o Thành viên của hội đồng là giảng viên của Trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài Trường.
2. Điểm chấm khóa luận cho theo thang điểm 10 (lẻ đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng, người hướng dẫn và người phản biện. Điểm tổng kết là trung bình cộng (làm tròn đến 0,1) của:
 - Điểm hệ số 1 của tất cả thành viên hội đồng (ngoại trừ người phản biện nếu người phản biện có trong hội đồng).
 - Điểm hệ số 2 của người hướng dẫn và người phản biện.

Các chi tiết khác về khóa luận tốt nghiệp cho đào tạo bậc đại học hệ chính quy có quy định riêng.

3. Điểm chấm thực tập doanh nghiệp cho theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng; điểm tổng kết là trung bình cộng làm tròn đến 0,1 của các thành viên hội đồng (không tính hệ số).
4. Kết quả chấm thực tập, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi báo cáo.

Điều 37. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Định kỳ theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây có thể nộp hồ sơ đề nghị xét tốt nghiệp:
 - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
 - Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí.
 - Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo.
 - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh và hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
 - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường.
 - Đạt điểm rèn luyện tích lũy tối thiểu là 50 điểm.

- Đạt thời gian học tối thiểu của khóa học được quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.
- 2. Căn cứ biên bản và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.
- 3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng hoặc Phó TP. ĐTDH làm thư ký và các thành viên là Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

Điều 38. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo, nếu sinh viên tốt nghiệp ngành đào tạo thứ hai theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này được cấp bằng tốt nghiệp chuyên ngành phụ. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng. Xếp loại tốt nghiệp được xác định dựa trên ĐTBTLTK theo bảng xếp loại quy định tại Khoản 1, Điều 21 của Quy chế này và theo điểm rèn luyện tích lũy.
2. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt "Xuất sắc" hoặc "Giỏi", loại tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc nếu rơi vào một trong các trường hợp sau (nếu vi phạm nhiều hơn thì cũng chỉ xét giảm 1 bậc):
 - Có thời gian học tập tại Trường vượt quá 02 học kỳ so với thời gian thiết kế được quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy chế này.
 - Đã bị kỷ luật trong thời gian học mức cảnh báo trở lên.
 - Có số tín chỉ học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ toàn khóa.
 - Sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt "Xuất sắc" nhưng Điểm rèn luyện toàn khóa học < 75 điểm; hoặc kết quả học tập toàn khóa đạt "Giỏi" nhưng Điểm rèn luyện toàn khóa học < 65 điểm.
3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (nếu có) và điểm rèn luyện toàn khóa học.
4. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa được phép học, được bảo lưu các học phần có kết quả đạt. Trong thời gian tối đa được phép học như quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Quy chế này, sinh viên được trở về Trường đăng ký học lại và thi cho những học phần chưa đạt hoặc chưa học.
5. Những sinh viên đã hết thời hạn tối đa được phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp và những sinh viên thôi học được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

CHƯƠNG 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Quy chế có hiệu lực kể từ học kỳ 1 năm học 2019-2020. Riêng đối với Điều 4. Tín chỉ học tập-Tín chỉ học phí sẽ có hiệu lực từ học kỳ 1 năm học 2020-2021.
2. Trong quá trình thực hiện, bản quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tế và theo các quy định của nhà nước, quy định của ĐHQG-HCM và của Trường ĐHCNTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Vũ Đức Lung